

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI**

**THÔNG TƯ số 05/2003/TT-BLĐTBXH  
ngày 18/02/2003 hướng dẫn thực  
hiện việc điều chỉnh mức trợ cấp,  
phụ cấp hàng tháng đối với người  
có công với cách mạng.**

Thi hành khoản 4 Điều 1 Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ, sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện việc điều chỉnh mức trợ cấp, phụ cấp hàng tháng đối với người có công với cách mạng quy định tại Nghị định số 77/2000/NĐ-CP ngày 15/12/2000 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 31/2000/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2000 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội như sau:

**I. NGUYÊN TẮC ĐIỀU CHỈNH**

**1. Các mức trợ cấp, phụ cấp hàng tháng đối với người có công được điều chỉnh trong phạm vi mức tăng thêm 38.1% tổng Quỹ trợ cấp, phụ cấp ưu đãi.**

**2. Điều chỉnh tăng mức trợ cấp, phụ cấp hàng tháng theo Thông tư số 31/2000/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2000 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Mức điều chỉnh trợ cấp nhằm góp phần cải thiện đời sống người có công, khắc phục bất hợp lý trong quan hệ giữa các mức trợ cấp ưu đãi người có công.**

**II. ĐỐI TƯỢNG VÀ MỨC ĐIỀU CHỈNH  
TRỢ CẤP, PHỤ CẤP HÀNG THÁNG**

**1. Người hoạt động cách mạng trước năm 1945:**

a) Người thuộc diện thoát ly hưởng trợ cấp

210.000 đồng/tháng. Ngoài mức trợ cấp trên còn được hưởng phụ cấp hàng tháng tính theo số năm hoạt động trước cách mạng, cứ mỗi năm được phụ cấp 50.000 đồng;

b) Người thuộc diện không thoát ly hưởng trợ cấp 500.000 đồng/tháng.

c) Thân nhân chủ yếu của người hoạt động cách mạng trước năm 1945 hưởng tuất từ trần:

- Trợ cấp cơ bản: 170.000 đồng/người/tháng;

- Trợ cấp nuôi dưỡng: 420.000 đồng/người/tháng.

**2. Người hoạt động cách mạng "tiên khởi nghĩa" hưởng phụ cấp 135.000 đồng/tháng.**

**3. Thân nhân hưởng tuất liệt sĩ:**

- Trợ cấp cơ bản: 170.000 đồng/người/tháng;

- Trợ cấp 2 liệt sĩ: 320.000 đồng/người/tháng;

- Trợ cấp nuôi dưỡng: 420.000 đồng/người/tháng.

**4. Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng Lực lượng Vũ trang, Anh hùng Lao động:**

a) Bà mẹ Việt Nam Anh hùng hưởng trợ cấp 570.000 đồng/tháng.

b) Anh hùng Lực lượng Vũ trang, Anh hùng Lao động hưởng trợ cấp 150.000 đồng/tháng.

**5. Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh (gọi chung là thương binh):**

a) Thương binh:

- Trợ cấp thương tật hàng tháng thực hiện theo bảng tính sẵn kèm Thông tư này.

- Thương binh mất sức lao động từ 81% trở lên, ngoài trợ cấp thương tật hàng tháng còn được phụ cấp thêm 40.000 đồng/tháng;

- Thương binh mất sức lao động do thương tật từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng, ngoài trợ cấp thương tật hàng tháng còn được phụ cấp thêm 140.000 đồng/tháng.

b) Quân nhân bị tai nạn lao động (thương binh

loại B được xác nhận từ ngày 31 tháng 12 năm 1993 trở về trước).

- Trợ cấp thương tật hàng tháng:

+ Mất sức lao động từ 21% đến 30%: 115.000 đồng;

+ Mất sức lao động từ 31% đến 40%: 160.000 đồng;

+ Mất sức lao động từ 41% đến 50%: 210.000 đồng;

+ Mất sức lao động từ 51% đến 60%: 255.000 đồng;

+ Mất sức lao động từ 61% đến 70%: 300.000 đồng;

+ Mất sức lao động từ 71% đến 80%: 350.000 đồng;

+ Mất sức lao động từ 81% đến 90%: 420.000 đồng;

+ Mất sức lao động từ 91% đến 100%: 465.000 đồng.

- Người mất sức lao động từ 81% trở lên ngoài trợ cấp thương tật hàng tháng còn được phụ cấp thêm 30.000 đồng/tháng;

- Người mất sức lao động từ 81% trở lên, có vết thương đặc biệt nặng, ngoài trợ cấp thương tật hàng tháng còn được phụ cấp thêm 100.000 đồng/tháng.

c) Trợ cấp người phục vụ thương binh, quân nhân bị tai nạn lao động (gọi chung là thương binh) điều dưỡng ở gia đình:

- Người phục vụ thương binh mất sức lao động từ 81% trở lên: 240.000 đồng/tháng;

- Người phục vụ thương binh mất sức lao động từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng: 290.000 đồng/tháng.

d) Thân nhân chủ yếu của thương binh mất sức lao động từ 61% trở lên hưởng tuất từ trần:

- Trợ cấp cơ bản: 120.000 đồng/người/tháng;

- Trợ cấp nuôi dưỡng: 210.000 đồng/người/tháng.

## 6. Bệnh binh, quân nhân bị bệnh nghề nghiệp:

a) Bệnh binh:

- Trợ cấp bệnh binh hàng tháng:

+ Mất sức lao động từ 61% đến 70%: 300.000 đồng;

+ Mất sức lao động từ 71% đến 80%: 350.000 đồng;

+ Mất sức lao động từ 81% đến 90%: 420.000 đồng;

+ Mất sức lao động từ 91% đến 100%: 465.000 đồng.

- Bệnh binh mất sức lao động từ 81% trở lên, ngoài trợ cấp thương tật hàng tháng còn được phụ cấp thêm 40.000 đồng/tháng.

- Bệnh binh mất sức lao động từ 81% trở lên có bệnh tật đặc biệt nặng, ngoài trợ cấp thương tật hàng tháng còn được phụ cấp thêm 140.000 đồng/tháng;

b) Quân nhân bị bệnh nghề nghiệp (bệnh binh hạng 3 được xác nhận từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước):

+ Mất sức lao động từ 41% đến 50%: 165.000 đồng/tháng;

+ Mất sức lao động từ 51% đến 60%: 195.000 đồng/tháng.

c) Trợ cấp người phục vụ bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên điều dưỡng ở gia đình:

- Người phục vụ bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên: 240.000 đồng/tháng;

- Người phục vụ bệnh binh mất sức lao động từ 81% trở lên, có bệnh tật đặc biệt nặng: 290.000 đồng/tháng.

d) Thân nhân chủ yếu của bệnh binh mất sức lao động từ 61% trở lên hưởng tuất từ trần:

- Trợ cấp cơ bản: 120.000 đồng/người/tháng;

- Trợ cấp nuôi dưỡng: 210.000 đồng/người/tháng.

#### **7. Người có công giúp đỡ cách mạng:**

a) Người có công giúp đỡ cách mạng trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945:

- Trợ cấp cơ bản: 170.000 đồng/tháng;

- Trợ cấp nuôi dưỡng: 420.000 đồng/tháng.

b) Người có công giúp đỡ cách mạng trong kháng chiến:

- Trợ cấp cơ bản: 110.000 đồng/tháng;

- Trợ cấp nuôi dưỡng: 320.000 đồng/tháng.

#### **8. Trợ cấp ưu đãi về giáo dục đào tạo:**

Học sinh, sinh viên thuộc diện chính sách ưu đãi đang học tại các trường đào tạo của Nhà nước: Đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, dự bị đại học, dân tộc nội trú mà không hưởng lương hoặc sinh hoạt phí quy định tại Điều 66 của Nghị định số 28/CP ngày 29 tháng 4 năm 1995 của Chính phủ:

a) Trợ cấp 220.000 đồng/tháng cấp cho học sinh, sinh viên là:

- Anh hùng Lực lượng Vũ trang, Anh hùng Lao động thuộc diện hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- Con thương binh, con bệnh binh và con người hưởng chính sách như thương binh mất sức lao động từ 81% trở lên;

- Con liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng.

b) Trợ cấp 180.000 đồng/tháng cấp cho học sinh, sinh viên là:

- Con thương binh, con bệnh binh và con người hưởng chính sách như thương binh mất sức lao động từ 61% đến 80%;

- Con Anh hùng Lực lượng Vũ trang, con Anh hùng Lao động thuộc diện hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng.

#### **9. Phụ cấp khu vực (nếu có) và mức đóng bảo hiểm y tế:**

Được tính theo quy định chung của Nhà nước trên mức lương tối thiểu hiện hành (mức lương tối thiểu thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2003 là 290.000 đồng/tháng).

### **III. TRỢ CẤP CHÔN CẤT**

Người được xác nhận liệt sĩ, người hoạt động cách mạng trước năm 1945 (Lão thành Cách mạng), Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng Lực lượng Vũ trang, Anh hùng Lao động thuộc diện hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng, người có công giúp đỡ cách mạng trước năm 1945, người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày, thương binh và bệnh binh mất sức lao động từ 61% trở lên, thân nhân chủ yếu của liệt sĩ và người có công giúp đỡ cách mạng hưởng trợ cấp nuôi dưỡng mà hy sinh hoặc từ trần kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2003 trở về sau thì người đảm nhiệm việc chôn cất được trợ cấp mai táng phí là 2.320.000 đồng.

### **IV. THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐIỀU CHỈNH TRỢ CẤP, PHỤ CẤP**

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (Phòng Tổ chức lao động xã hội) cấp huyện căn cứ hướng dẫn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lập 02 bản danh sách điều chỉnh mức trợ cấp, phụ cấp (mẫu số 01)\*.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận 01 bản danh sách của các Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, lập 03 bản tổng hợp mức trợ cấp, phụ cấp (mẫu số 02)\*, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, sau đó gửi 02 bản tổng hợp về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Cục Thương binh liệt sĩ và Người có công).

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, lập dự toán Quỹ trợ cấp, phụ cấp tăng thêm gửi Bộ Tài chính.

4. Bộ Tài chính căn cứ vào dự toán của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cấp kinh phí ủy quyền Quỹ trợ cấp, phụ cấp tăng thêm theo quy định.

5. Khi tiếp nhận thông báo kinh phí, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Tài chính - Vật giá, Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố thông báo kinh phí đến cấp huyện, ra quyết định hoặc lập phiếu điều chỉnh trợ cấp, phụ cấp, tổ chức việc chi trả, lưu giữ hồ sơ, thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành, báo cáo kết quả thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền, giải thích các nội dung quy định tại Thông tư này, đồng thời kiểm tra, rà soát bảo đảm thực hiện chế độ đúng đối tượng, đủ điều kiện, tiêu chuẩn.

2. Để người có công với cách mạng kịp thời hưởng mức trợ cấp, phụ cấp điều chỉnh theo hướng dẫn tại Thông tư này, Bộ Tài chính tạm cấp Quỹ trợ cấp, phụ cấp tăng thêm của quý I

năm 2003. Trước ngày 25 tháng 3 năm 2003 các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoàn chỉnh danh sách, gửi 02 bản tổng hợp (mẫu số 2)\* về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Từ quý II năm 2003 trở đi, Bộ Tài chính sẽ cấp Quỹ trợ cấp, phụ cấp tăng thêm cho các địa phương theo trình tự quy định tại Mục IV của Thông tư này.

3. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an sau khi thỏa thuận với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, hướng dẫn thi hành đối với người có công với cách mạng trong lực lượng vũ trang thuộc phạm vi quản lý.

4. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Mức trợ cấp, phụ cấp hàng tháng đối với người có công với cách mạng quy định tại Thông tư này được truy lĩnh phần chênh lệch tăng thêm từ ngày 01 tháng 01 năm 2003.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, các địa phương phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu giải quyết./.

Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

NGUYỄN THỊ HẰNG

(\*) Không in biểu mẫu.

## BIỂU MỨC TRỢ CẤP THƯƠNG TẬT ĐỐI VỚI THƯƠNG BINH, NGƯỜI HƯỞNG CHÍNH SÁCH NHƯ THƯƠNG BINH

(kèm theo Thông tư số 05/2003/TT-BLĐTBXH ngày 18/02/2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Thứ tự	Tỷ lệ % MSLĐ	Mức trợ cấp	Thứ tự	Tỷ lệ % MSLĐ	Mức trợ cấp
01	- MSLĐ 21%	130.000 đ	41	- MSLĐ 61%	378.000 đ
02	- MSLĐ 22%	136.000 đ	42	- MSLĐ 62%	384.000 đ
03	- MSLĐ 23%	142.000 đ	43	- MSLĐ 63%	390.000 đ
04	- MSLĐ 24%	148.000 đ	44	- MSLĐ 64%	396.000 đ
05	- MSLĐ 25%	155.000 đ	45	- MSLĐ 65%	402.000 đ
06	- MSLĐ 26%	160.000 đ	46	- MSLĐ 66%	408.000 đ
07	- MSLĐ 27%	167.000 đ	47	- MSLĐ 67%	415.000 đ

08	- MSLĐ 28%	173.000 đ	48	- MSLĐ 68%	421.000 đ
09	- MSLĐ 29%	180.000 đ	49	- MSLĐ 69%	427.000 đ
10	- MSLĐ 30%	186.000 đ	50	- MSLĐ 70%	433.000 đ
11	- MSLĐ 31%	192.000 đ	51	- MSLĐ 71%	439.000 đ
12	- MSLĐ 32%	198.000 đ	52	- MSLĐ 72%	445.000 đ
13	- MSLĐ 33%	204.000 đ	53	- MSLĐ 73%	452.000 đ
14	- MSLĐ 34%	210.000 đ	54	- MSLĐ 74%	458.000 đ
15	- MSLĐ 35%	217.000 đ	55	- MSLĐ 75%	464.000 đ
16	- MSLĐ 36%	223.000 đ	56	- MSLĐ 76%	470.000 đ
17	- MSLĐ 37%	229.000 đ	57	- MSLĐ 77%	477.000 đ
18	- MSLĐ 38%	235.000 đ	58	- MSLĐ 78%	483.000 đ
19	- MSLĐ 39%	241.000 đ	59	- MSLĐ 79%	489.000 đ
20	- MSLĐ 40%	248.000 đ	60	- MSLĐ 80%	495.000 đ
21	- MSLĐ 41%	254.000 đ	61	- MSLĐ 81%	501.000 đ
22	- MSLĐ 42%	260.000 đ	62	- MSLĐ 82%	508.000 đ
23	- MSLĐ 43%	266.000 đ	63	- MSLĐ 83%	514.000 đ
24	- MSLĐ 44%	272.000 đ	64	- MSLĐ 84%	520.000 đ
25	- MSLĐ 45%	278.000 đ	65	- MSLĐ 85%	526.000 đ
26	- MSLĐ 46%	285.000 đ	66	- MSLĐ 86%	532.000 đ
27	- MSLĐ 47%	291.000 đ	67	- MSLĐ 87%	538.000 đ
28	- MSLĐ 48%	297.000 đ	68	- MSLĐ 88%	544.000 đ
29	- MSLĐ 49%	303.000 đ	69	- MSLĐ 89%	551.000 đ
30	- MSLĐ 50%	310.000 đ	70	- MSLĐ 90%	557.000 đ
31	- MSLĐ 51%	316.000 đ	71	- MSLĐ 91%	563.000 đ
32	- MSLĐ 52%	322.000 đ	72	- MSLĐ 92%	569.000 đ
33	- MSLĐ 53%	328.000 đ	73	- MSLĐ 93%	576.000 đ
34	- MSLĐ 54%	334.000 đ	74	- MSLĐ 94%	582.000 đ
35	- MSLĐ 55%	340.000 đ	75	- MSLĐ 95%	588.000 đ
36	- MSLĐ 56%	347.000 đ	76	- MSLĐ 96%	594.000 đ
37	- MSLĐ 57%	353.000 đ	77	- MSLĐ 97%	600.000 đ
38	- MSLĐ 58%	359.000 đ	78	- MSLĐ 98%	606.000 đ
39	- MSLĐ 59%	365.000 đ	79	- MSLĐ 99%	613.000 đ
40	- MSLĐ 60%	371.000 đ	80	- MSLĐ 100%	619.000 đ

**THÔNG TƯ số 06/2003/TT-BLĐTBXH**  
**ngày 19/02/2003 hướng dẫn thực**  
**hiện điều chỉnh mức lương hưu**  
**và trợ cấp bảo hiểm xã hội theo**  
**Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày**  
**15/01/2003 của Chính phủ.**

Thi hành khoản 2, khoản 3 Điều 1 Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về việc điều chỉnh tiền lương, trợ cấp xã hội và đổi mới một bước cơ chế quản lý tiền lương; sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Lao động -

Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội như sau:

**I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

Đối tượng thực hiện điều chỉnh mức lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ, bao gồm:

1. Người hưởng lương hưu (bao gồm hưu cán bộ, công chức, viên chức, công nhân; hưu quân đội, công an, cơ yếu);